

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST

Ngày: 21/5/2019

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HOÁ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Chung

2/ Ông Lê Văn Ký

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện VKSND huyện Hà Trung tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST - DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Mai Thế S - Sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người được ông Mai Thế S uỷ quyền là chị:

Vũ Thị L, sinh năm 1973 (Theo giấy uỷ quyền ngày 28/12/2018)

Địa chỉ: Thôn 3, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Cao Văn B - Sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Phạm Thị K - Sinh năm 1978

Địa chỉ: : Thôn X, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị L; vắng mặt anh B và chị K không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 03/01/2019, biên bản hòa giải ngày 04/4/2019 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án người được ủy quyền của nguyên đơn bà Vũ Thị L trình bày:

Ngày 02 tháng 11 năm 2017 vợ chồng chị L có cho anh Cao Văn B vay số tiền 180.000.000 đồng, có viết giấy vay tiền, hẹn ngày trả nợ vào ngày 10/11/2017. Trong giấy vay nợ không ghi rõ lãi suất, nhưng giữa hai bên có thoả thuận miệng là lãi suất là 1,5%/tháng. Mục đích anh B vay số tiền trên là để trả tiền mua vật liệu xây dựng xây nhà. Tuy nhiên đến ngày hẹn trả nợ anh B đã không trả cho vợ chồng chị L số tiền vay trên, chị đã nhiều lần đến đòi nhưng anh B và gia đình không trả. Do nhiều lần chị đến đòi nợ thì vào ngày 16/5/2018 chị Phạm Thị K là vợ anh B có đến và trả cho gia đình chị số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng. Sau khi vay tiền vợ chồng chị thì anh B có trả lãi cho vợ chồng chị được 06 tháng là đến hết tháng 5 năm 2018.

Nay chị đề nghị anh B, chị K trả cho vợ chồng chị toàn bộ số tiền gốc còn lại là 170.000.000 đồng.

Còn số tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/6/2018 đến 04/4/2019 là 25.517.000 đồng. Ngày 04/4/2019 chị Vũ Thị L có đơn xin rút yêu cầu giải quyết tiền lãi và tại phiên tòa chị L đề nghị vợ chồng anh B, chị K phải trả số tiền nợ gốc là 170.000.000đ; còn số tiền lãi chị xin được rút yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền lãi.

* Đối với anh Cao Văn B, Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập đến làm việc nhưng anh đều không có mặt. Nên Tòa án không thu thập được ý kiến và nguyện vọng của anh B.

* Tại bản tự khai ngày 28/01/2019, biên bản hòa giải ngày 04/4/2019 chị Phạm Thị K trình bày:

Vào ngày 02 tháng 11 năm 2017 chồng chị là anh Cao Văn B có vay của anh S chị L số tiền 180.000.000 đồng khi vay tiền có lập văn bản. Việc chồng chị là anh B vay tiền vợ chồng chị L anh S ban đầu chị không hề hay biết. Đến tháng 05/2018 chị L có đến nhà đòi nợ tiền vợ chồng chị thì chị mới biết việc anh B chồng chị có vay của gia đình chị L số tiền 180.000.000 đồng. Đến ngày 16/5/2018 chị có trả cho gia đình chị L số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng. Từ đó đến nay do không có tiền để trả nên vợ chồng chị chưa trả được số tiền còn lại cho gia đình chị L.

Nay chị L, anh S yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 170.000.000đồng chị thống nhất đồng ý, còn số tiền lãi tính từ ngày 02/06/2018 đến ngày 04/4/2019 là 25.517.000 đồng chị L đề nghị không yêu cầu Toà án giải quyết, chị thống nhất không có thắc mắc gì.

Nay nguyện vọng của chị là xin được trả dần số tiền nợ gốc 170.000.000 đồng cho anh S chị L. Thời gian trả chị có ý kiến như sau: Vào ngày 16 hàng tháng chị xin trả 5.000.000 đồng, thời gian trả nợ là 34 tháng bắt đầu từ ngày 16/5/2019 đến hết ngày 16/3/2022.

Tại phiên tòa hôm nay chị L giữ nguyên toàn bộ yêu cầu, các bên không thỏa thuận với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Cao Văn B và người có quyền lợi L quan là chị Phạm Thị K không có mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục và phiên tòa cũng được hoãn lần thứ nhất. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh B và chị K.

[2]. Về hình thức: Tại giấy vay nợ đề ngày 02/11/2017 giữa anh Mai Thế S với anh Cao Văn B, có ghi số tiền vay, người vay tiền là anh B, ngày trả nợ là ngày 10/11/2017 và có hẹn ngày trả lãi không quá hạn ngày kể từ ngày vay, mục đích vay tiền là gia đình cần một khoản tiền gấp.

Do Hợp đồng vay tiền nhằm để sử dụng việc cho gia đình của anh Cao Văn B, vì vậy khi xảy ra vi phạm thuộc tranh chấp hợp đồng dân sự và Tòa án nhân dân huyện Hà Trung giải quyết theo đúng thẩm quyền.

[3]. Về nội dung: Giấy vay tiền được các bên ký kết theo đúng quy định của pháp luật, nội dung các điều khoản cam kết trong hợp đồng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và khả năng của các bên được pháp luật cho phép.

[4]. Xét yêu cầu khởi kiện:

Về số tiền nợ gốc: Căn cứ vào giấy vay tiền giữa anh Mai Thế S với anh Cao Văn B ngày 02/11/2017, thì anh B có vay của anh S số tiền 180.000.000 đồng.

Quá trình trả nợ gia đình anh B đã trả nợ được như sau:

Do nhiều lần gia đình chị L đến đòi nợ nên ngày 16/5/2018 chị K vợ anh B có trả cho gia đình L số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng.

Tuy anh B vắng mặt không đến Tòa án làm việc nhưng chị Phạm Thị K là vợ cũng đã thừa nhận vợ chồng chị có vay của gia đình chị L số tiền 180.000.000đ và chị K cũng đã trả được 10.000.000đ tiền nợ gốc cho đến nay vợ chồng anh chị đang còn nợ của gia đình anh S số tiền 170.000.000đ. Quan điểm nguyện vọng của chị K là muốn được trả vào ngày 16 hàng tháng chị xin trả 5.000.000 đồng cho anh

S, chị L, thời gian trả nợ là 34 tháng bắt đầu từ ngày 16/5/2019 đến hết ngày 16/3/2022.

HĐXX thấy rằng tuy chị K không tham gia vay tiền nhưng vì anh B vay tiền để xây dựng kinh tế gia đình nên Căn cứ Điều 27 Luật HNGĐ quy định về trách nhiệm liên đới của vợ chồng, do đó việc chị K thừa nhận và nhận trách nhiệm thanh toán khoản nợ chung cho gia đình anh S là phù hợp.

Như vậy qua các tài liệu chứng cứ và ý kiến của của chị L và chị K. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định gia đình anh B chị K có vay tiền của gia đình anh S, sau khi vay nợ có trả nợ nhưng chưa trả hết theo thỏa thuận. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay anh B, chị K vẫn chưa trả thêm được khoản tiền nợ vay nào cho gia đình anh S.

Theo quy định của pháp luật, bên vay phải có nghĩa vụ trả đầy đủ số tiền nợ khi đến hạn phải trả, mà ở đây hợp đồng vay nợ hẹn ngày trả là ngày 10/11/2017 nhưng cho đến nay vẫn chưa trả hết. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Thế S và buộc vợ chồng anh B, chị K phải trả số tiền nợ đến ngày 21/5/2019 là: 170.000.000 đồng.

Về số tiền nợ lãi: Trong hợp đồng không ghi mức lãi xuất, nhưng theo chị L hai bên có thỏa thuận miệng lãi xuất là 1,5%/tháng. Tại biên bản hòa giải ngày 04/4/2019 chị L và chị K thống nhất thỏa thuận số tiền lãi là 25.517.000đ, số tiền lãi này để hai bên tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết. Ngày 04/4/2019 chị L có đơn rút yêu cầu giải quyết về số tiền lãi và tại phiên tòa hôm nay chị L vẫn đề nghị được rút yêu cầu giải quyết về số tiền lãi để hai bên tự thỏa thuận. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ về giải quyết số tiền lãi xuất.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu của anh Mai Thế S được chấp nhận nên anh B và chị K phải chịu toàn bộ tiền án phí DSST trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466; Điều 468 và Điều 357 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; điểm c khoản 1 Điều 11, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của anh Mai Thế S về yêu cầu trả khoản tiền nợ lãi.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Mai Thế S.

Buộc anh Cao Văn B và chị Phạm Thị K phải trả cho anh Mai Thế S số tiền nợ gốc là: 170.000.000^d (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp được pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Anh Cao Văn B và chị Phạm Thị K phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 8.500.000đồng.

Trả lại cho anh Mai Thế S 5.142.500đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000403 ngày 16/01/2019 tại Chi cục thi hành án huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, đối với nguyên đơn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn

